TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/DS-ST
Ngày: 18/11/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông Thanh
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Lệ Thủy và ông Nguyễn Văn Đời
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S:*** Bà Trần Thị H Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 80/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2019, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2019/QĐST- DS ngày 30/10/2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N**; địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch HĐTV. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Phước L – Chức vụ: Giám đốc NHN – Chi nhánh quận S, theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014. Ngày 20/5/2019, ông Lê Phước L ủy quyền lại cho ông Lê Doãn T, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch A– Chi nhánh quận S Đà Nẵng; địa chỉ: Số 907 Ngô Q, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Ông **Đặng Đình H**, sinh năm 1980. *Vắng mặt.*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1982. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Hộ 511- nhà A5 chung cư V, tổ 59 phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án ngày 21/5/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Doãn T trình bày:*

Vào ngày 09/4/2018, Chi nhánh Ngân hàng N Đà Nẵng – Phòng Giao dịch A đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 2004-LAV-201800459 với ông Đặng Đình H, nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); thời hạn vay: 60 tháng; ngày đến hạn cuối cùng: 09/4/2023; lãi suất: 10,5%/năm. Mục đích vay: Tiêu dùng đời sống, cụ thể sửa chữa nhà ở. Tài sản bảo đảm tiền vay: Vay tín chấp.

Theo nội dung thỏa thuận trên hợp đồng thì ông H phải thanh toán theo định kỳ gốc và lãi hàng tháng. Tính đến ngày khởi kiện, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 25.859.668 đồng. Trong đó: Nợ gốc 16.951.000 đồng, nợ lãi: 8.908.668 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã vi phạm các nội dung đã cam kết, trả nợ vay không đúng hạn, để phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Ngân hàng N – Phòng Giao dịch A. Tính đến ngày 20/5/2019, ông H còn có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 84.747.947 đồng. Trong đó: gốc 83.049.000 đồng; lãi 1.698.947 đồng (lãi trong hạn: 1.673.003 đồng; lãi quá hạn: 25.944 đồng).

Mặc dù Chi nhánh Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, làm việc trực tiếp nhưng ông H vẫn cố tình vi phạm, không trả nợ theo cam kết trên hợp đồng giữa hai bên.

Nay Ngân hàng N – Phòng Giao dịch A khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét buộc ông Đặng Đình H phải thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử: 18/11/2019 là: 89.317.549 đồng. Trong đó nợ gốc:

83.049.000 đồng; nợ lãi: 6.268.549 đồng (lãi trong hạn: 5.997.240 đồng; lãi quá hạn: 271.309 đồng).

** Đối với bị đơn ông Đặng Đình H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập hợp lệ bằng hình thức đăng tin tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú; niêm yết công khai tại nơi cư trú; tại UBND phường N và tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S cho ông H và bà L được biết nhưng ông H và bà L đều vắng mặt. Qua xác minh tại nơi cư trú của ông Đặng Đình H và bà Nguyễn Thị L thì được biết ông H và bà L có HKTT tại Hộ 511- nhà A5 chung cư V, tổ 59 phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, từ tháng 4/2018 cho đến nay ông H, bà L không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không rõ. Do ông H và bà L không tham gia tố tụng tại Tòa án nên không có lời khai của ông, bà trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định tại BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình như cung cấp chứng cứ cho Tòa án, tham gia phiên tòa và tranh luận tại phiên tòa đúng quy định tại BLTTDS. Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn ông Đặng Đình H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L không tham gia tố tụng tại Tòa án là chưa chấp hành đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-

NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với ông Đặng Đình H. Buộc ông Đặng Đình H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 89.317.549 đồng. Trong đó nợ gốc: 83.049.000 đồng; nợ lãi: 6.268.549 đồng, lãi tạm tính đến ngày 18/11/2019 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/11/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất (trong hạn, quá hạn) do các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số 2004-LAV-201800459 ngày 09/4/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N với bị đơn ông Đặng Đình H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông Đặng Đình H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà L.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 09/4/2018, Chi nhánh Ngân hàng N – Phòng Giao dịch A đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 2004-LAV-201800459 với ông Đặng Đình H, nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); thời hạn vay: 60 tháng; ngày đến hạn cuối cùng: 09/4/2023; lãi suất: 10,5%/năm. Mục đích vay: Tiêu dùng đời sống, cụ thể sửa chữa nhà ở. Tài sản bảo đảm tiền vay: Vay tín chấp. Theo nội dung thỏa thuận trên hợp đồng thì ông H phải thanh toán theo định kỳ gốc và lãi hàng tháng. Tính đến ngày khởi kiện, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 25.859.668 đồng. Trong đó: Nợ gốc 16.951.000 đồng, nợ lãi: 8.908.668 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã vi phạm các nội

dung đã cam kết, trả nợ vay không đúng hạn, để phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Ngân hàng N – Phòng Giao dịch A.

Tính đến ngày: 18/11/2019 là: 89.317.549 đồng. Trong đó nợ gốc: 83.049.000 đồng; nợ lãi: 6.268.549 đồng (lãi trong hạn: 5.997.240 đồng; lãi quá hạn: 271.309 đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số 2004-LAV-201800459 ngày 09/4/2018, được ký kết giữa Chi nhánh Ngân hàng N – Phòng Giao dịch A với ông Đặng Đình H trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đặng Đình H đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi và gốc, vi phạm định kỳ trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc để yêu cầu ông H thanh toán nợ nhưng đến nay ông H chỉ thanh toán được 25.859.668 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 16.951.000 đồng, nợ lãi: 8.908.668 đồng. HĐXX xét thấy ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng tín dụng. Việc khởi kiện của Ngân hàng N yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 nên cần được chấp nhận.

[3] Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng N đã nộp và chi xong.

[4] Các đề nghị của đại diện viện kiểm sát về nội dung vụ án tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[5] Về án phí DS-ST: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng N được chấp nhận nên bị đơn ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Cụ thể số tiền ông H phải chịu là (89.317.549 đồng x 5%) = 4.465.877 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của Ngân hàng N đối với ông Đặng Đình H.

Xử:

1. Buộc ông Đặng Đình H phải trả cho Ngân hàng N số tiền: 89.317.549 đồng *(Tám mươi chín triệu ba trăm mười bảy nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng).* Trong đó nợ gốc: 83.049.000 đồng; nợ lãi: 6.268.549 đồng *(lãi trong hạn: 5.997.240 đồng; lãi quá hạn: 271.309 đồng),* lãi tạm tính đến ngày 18/11/2019 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/11/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất (trong hạn, quá hạn) do các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số 2004-LAV-201800459 ngày 09/4/2018.

2. Án phí DS- ST: 4.465.877 đồng *(Bốn triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng)* ông Đặng Đình H phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 2.118.698 *đồng (Hai triệu một trăm mười tám ngàn sáu trăm chín mươi tám đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 7904 ngày 14/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Đông Thanh